TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Bản án số: 103/2024/DS-ST Ngày: 01 - 4 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hoàng Lệ Chi.

2/ Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 620/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 01 đại lộ Th, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Trọng Quang TR1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 07 đường số 7, KDC TR, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Ng1, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 12, Đường N, khu nhà ở thu nhập thấp T, số 50 Đường ĐT743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Bùi Hải Â, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Trọng Quang TR1 trình bày:

Căn cứ hợp đồng cho vay tiền số 1008/2021/HĐVT ngày 11/10/2021 thì ông L1 đã cho bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 vay số tiền 4.000.000.000 đồng. Ngày 20/10/2023, ông L1 đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải trả số tiền đã vay trước ngày 28/10/2023 nhưng bà Ng1 không thực hiện.

Vì vậy ông L1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải trả toàn bộ số tiền gốc đã cho vay là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng).

Trong đơn khởi kiện ông L1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải trả tiền lãi đối với số tiền đã vay với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,0274%/ngày) tính từ ngày 28/10/2023 tới ngày 30/10/2023, tạm tính 03 ngày là 3.288.000 đồng. Tuy nhiên, trong văn bản trình bày ý kiến ngày 28/3/2024, ông L1 yêu cầu bà Ng1 phải chịu mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng; 0,025%/ngày) tính từ ngày 28/10/2023 đến ngày 01/4/2024 (05 tháng 04 ngày) là 154.000.000 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 01/4/2024 là 4.154.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa vào các ngày 14/3/2024 và 01/4/2024 nhưng bà Ng1 không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người làm chứng ông Bùi Hải Â trình bày: Ngày 11/10/2021 ông L1 cho bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 vay số tiền 4.000.000.000 đồng. Ông Âu chứng kiến sự việc và ký tên vào hợp đồng với tư cách là người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn và người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng đương sự. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người làm chứng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 229 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L1 là người nước ngoài, có quốc tịch: TR1 Quốc (Đài Loan) nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam theo giấy phép lao động số 030106/BQL-GP ngày 11/9/2023 và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH HWA PAO REINS Việt Nam tại số 1, đại lộ Th, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; thời hạn làm việc từ ngày 22/9/2023 đến ngày 17/6/2025. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông L1 đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 có đăng ký thường trú tại số 12, Đường N, khu nhà ở thu nhập thấp T, số 50 Đường ĐT743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào nội dung hợp đồng cho vay tiền số 1008/2021/HĐVT ngày 11/10/2021 có căn cứ xác định ông L1 đã cho bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 vay số tiền 4.000.000.000 đồng, hợp đồng vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không có lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao cho bị đơn số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng). Ngày 20/10/2023, ông L1 đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải trả số tiền đã vay trước ngày 28/10/2023 nhưng bà Ng1 không thực hiện. Quá trình tố tụng bà Ng1 đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong Hợp đồng cho vay tiền mà nguyên đơn cung cấp, đồng thời bà Ng1 cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán các khoản nợ nên ông L1 khởi kiện yêu cầu trả số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Ngày 20/10/2023, ông L1 đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải trả số tiền đã vay trước ngày 28/10/2023. Vì vậy, bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2023 đến ngày 01/4/2024 với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng; 0,027%/ngày). Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa nguyên đơn đã có văn bản xác định lãi suất yêu cầu là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng và 0,025%/ngày) với thời gian yêu cầu từ ngày 28/10/2023 đến ngày 01/4/2024 (05 tháng 04 ngày) là 154.000.000 đồng. {Cụ thể: (4.000.000.000 đồng x 0,75%/tháng) x 05 tháng 04 ngày) = 154.000.000 đồng}. Xét thấy, mức lãi suất yêu cầu của nguyên đơn là thấp hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 227, 228, 338, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L1 đối với bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải thanh toán cho ông L1 tổng số tiền 4.154.000.000đ (bốn tỷ một trăm năm mươi bốn triệu đồng). [Trong đó tiền nợ gốc là 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) và tiền lãi là: 154.000.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu đồng)].

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Ng1 phải nộp số tiền 112.154.000đ (một trăm mười hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông L1 số tiền 56.001.644đ (năm mươi sáu triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001296, ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP.Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân